TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 548/2025/DS-PT
Ngày: 28-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây NinhoaòaHoa2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 490/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; CCCD số 080169009863; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp G, xã N, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An, có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; CCCD số 080169009863; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Bùi Thanh L1, sinh năm 1971; CCCD số 080071013866; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: số A đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Minh S, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

3. Bà Trần Thị Mỹ P1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp D, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Bùi Văn T trình bày: Ngày 18/10/2024 bà Nguyễn Thị Kim L có thỏa thuận vay bà Nguyễn Thị P số tiền 1.500.000.000 đồng để vợ chồng bà L (bà L và ông Bùi Thanh L1) đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn vay tiền là 01 tháng (đến ngày 18/11/2024), việc cho vay có lập Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024. Đến hạn trả nợ ngày 18/11/2024 nhưng bà L và ông L1 không thanh toán tiền vay cho bà Nguyễn Thị P.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 18/10/2024, yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày giải quyết vụ án, yêu cầu thanh toán một lần.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Văn D trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 là vợ chồng, chung sống với nhau vào khoảng năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hiện vẫn còn hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị M là hàng xóm với vợ chồng bà L. Bà Nguyễn Thị P là em gái ruột của bà M, còn bà Trần Thị Mỹ P1 do bà M có dẫn đến nhà bà L để ký giấy mượn tiền, còn ông Trần Minh S là con bà M.

Từ khoảng tháng 8/2024, do thiếu vốn kinh doanh và làm ăn, bà L có vay mượn tiền bà M nhiều lần, bà L vay rồi trả toàn bộ sau đó tiếp tục vay rồi trả một phần (do nhiều lần nên bà L không nhớ chính xác thời gian và số tiền cụ thể), với lãi suất 0.25%/ngày, việc trả lãi được chuyển khoản cho ông Trần Minh S, hoặc trả trực tiếp cho bà M.

Đến ngày 18/10/2024, bà L còn nợ lại bà M số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nên bà L ký với bà Nguyễn Thị M Giấy vay tiền với số tiền 500.000.000 đồng. Sau ngày 18/10/2024, bà L tiếp tục vay bà M và bà Nguyễn Thị P nhiều lần tiền, bà L không nhớ rõ từng lần vay tiền, đến ngày 06/9/2024 tổng số tiền bà L vay bà M và bà P là 1.500.000.000 đồng, bà M nói rằng toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà L vay thêm sau này đều là tiền của bà P nên bà M và bà P yêu cầu bà L ký Giấy mượn tiền ngày 06/9/2024 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng.

Sau đó, bà L tiếp tục vay bà M nhiều lần tiền, đến ngày 05/12/2024, thêm tổng số tiền vay là 1.230.000.000 đồng, là do bà M dẫn bà Trần Thị Mỹ P1 đến nhà bà L và nói rằng số tiền vay 1.000.000.000 đồng là tiền của bà Trần Thị Mỹ P1 và số tiền vay 230.000.000 đồng là tiền của ông Trần Minh S nên họ yêu cầu bà L ký Giấy mượn tiền với bà Trần Thị Mỹ P1 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng và ký Giấy mượn tiền với ông Trần Minh S với số tiền vay là 230.000.000 đồng nhưng 02 Giấy mượn tiền đều đề ngày 06/9/2024.

Toàn bộ số tiền vay mượn trên bà L dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho vay cho ai có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Nhưng sau đó những người này không hoàn trả lại cho bà L nên bà L không thể trả lại tiền cho bà M. Việc vay mượn tiền này chồng bà L là ông Bùi Thanh L1 hoàn toàn không biết vì bà L dùng cho việc làm ăn riêng, không dùng vào mục đích chung của gia đình. Từ trước đến nay, bà L và ông L1 có công việc kinh doanh riêng, thu nhập riêng và độc lập tài chính với nhau.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà L và ông L1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/10/2024 và lãi suất phát sinh, bà L có ý kiến như sau:

Bà L đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 1.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/10/2024. Đối với lãi suất phát sinh, bà L không đồng ý trả vì bà L đã trả lãi nhiều lần với số tiền lớn, đối với số tiền lãi bà L đã thanh toán bà L không yêu cầu xem xét. Bà L xin thời gian trả là 01 năm, do những người nợ tiền bà L hẹn bà L thời gian trả là 01 năm.

Bà L không đồng ý để ông L1 cùng liên đới với bà L trả nợ vì ông L1 hoàn toàn không biết và không sử dụng đến số tiền vay này cũng không ký tên vào giấy mượn tiền nên đây là trách nhiệm riêng của bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Thanh L1, ông Nguyễn Văn D trình bày: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 là vợ chồng, chung sống với nhau vào khoảng năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, hiện vẫn còn hôn nhân hợp pháp và còn chung sống với nhau.

Ông L1 hoàn toàn không biết bà Nguyễn Thị P và không biết việc bà Nguyễn Thị Kim L vay bà Nguyễn Thị P số tiền 1.500.000.000 đồng và ký giấy mượn tiền ngày 18/10/2024 cho đến khi bà Nguyễn Thị P khởi kiện tại Tòa án.

Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 1.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/10/2024 và lãi suất phát sinh, ông không đồng ý liên đới với bà L vì ông hoàn toàn không biết và không sử dụng đến số tiền vay này cũng không ký tên cùng bà L vào giấy mượn tiền, bà L cũng không nói cho ông biết về việc vay tiền này và mục đích sử dụng số tiền vay này, đây là việc làm ăn riêng của bà L; ông và bà L tuy sống chung nhưng công việc và việc làm của hai bên đều riêng biệt, độc lập với nhau, không có liên quan đến nhau nên đây là trách nhiệm riêng của bà L, ông không có nghĩa vụ cùng bà L trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 18/10/2024 bà Nguyễn Thị Kim L có hỏi vay bà số tiền 500.000.000 đồng để vợ chồng bà L (bà L và ông Bùi Thanh L1) đáo hạn Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói, thời hạn vay tiền là 02 tháng (đến ngày 30/10/2024), việc cho vay có lập Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024. Đối với số tiền cho vay này, bà đã khởi kiện bà L, ông L1 một vụ án khác.

Ngoài ra, bà L vì cần thêm tiền nên nhờ bà M tìm người có tiền cho bà L vay, từ đó bà có giới thiệu bà Trần Thị Mỹ P1 (cháu của bà) và ông Trần Minh S (con ruột bà) cho bà L vay tiền, nên ngày 06/9/2024, bà có dẫn bà P1 và ông S đến nhà bà L, bà P1 cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 đồng, ông S cho bà L vay số tiền 230.000.000 đồng; bà trực tiếp chứng kiến bà L ký giấy mượn tiền và nhận tiền vay từ bà P1, ông S.

Sau đó, bà L tiếp tục nhờ bà M tìm người cho bà L vay mượn tiền nên bà có tiếp tục giới thiệu bà Nguyễn Thị P (em ruột bà) cho bà L, ngày 18/10/2024, bà có dẫn bà P đến nhà bà L (tiệm bán tạp hóa tại ấp T), bà P cho bà L vay số tiền 1.500.000.000 đồng; bà trực tiếp chứng kiến bà L ký giấy mượn tiền và nhận tiền vay từ bà P.

Đối với việc bà L chuyển khoản cho ông S thì bà không biết và không có liên quan đến tiền lãi. Nay bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ P1 trình bày:*Bà P1 đã khởi kiện bà L, ông L1 một vụ án khác nên bà P1 không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp giữa bà P với bà L, ông L1 trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh S trình bày: Ông đã khởi kiện bà L, ông L1 một vụ án khác nên không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp giữa bà P với bà L, ông L1 trong vụ án này. Đối với việc bà L cho rằng có chuyển khoản cho ông S, ông S thừa nhận ông làm nghề dịch vụ "Chuyển - rút tiền nhanh" tại địa phương ấp B, xã H. Việc bà Nguyễn Thị Kim L có chuyển tiền cho ông S nhiều lần cũng như ông S chuyển tiền cho bà L là thực hiện theo yêu cầu dịch vụ "Chuyển - rút tiền nhanh", mục đích nhằm để bà L rút tiền mặt khi giao dịch với khách hàng. Các lần chuyển tiền này không liên quan gì đến hợp đồng vay giữa ông S, bà P, bà P1, bà M và bà L và cũng không phải là tiền lãi do bà L trả cho bất kì ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024".

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024".

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với

0.83%/tháng), tính từ ngày 19/11/2024 đến ngày 22/5/2025 trên số tiền 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 76.250.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P là 1.576.250.000 (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 về việc trả lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/11/2024 với số tiền là 12.560.000 (mười hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn) đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới chịu 59.287.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.799.000 đồng theo Biên lai thu số 0004200 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 28.171.000 (hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt ngàn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 04/6/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và ông Bùi Thanh L1 không phải liên đới trả nợ với bà.

Ngày 04/6/2025, bị đơn ông Bùi Thanh L1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu ông phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị Kim L trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận chữ ký, viết tên trong "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024" là của bà và xác định có vay bà Nguyễn Thị P số tiền 1.500.000.000 đồng đến nay chưa trả nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 do ông Nguyễn Văn D đại diện không đồng ý với việc bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Bùi Thanh L1 liên đới cùng bà L thanh toán tiền vay cho bà P.

Xét thấy, dù "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024" chỉ có chữ ký và ghi tên bà L, bà L cũng là người trực tiếp nhận tiền vay, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1997, đến nay vẫn còn chung sống. Như vậy, số tiền 1.500.000.000 đồng được vay trong thời gian hôn nhân hợp pháp giữa bà L và ông L1. Bà L có lời khai "Toàn bộ số tiền vay mượn trên bà L dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho vay cho ai có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng" nhằm mục đích tạo thu nhập, như vậy mục đích cuối cùng của việc bà L vay tiền từ nguyên đơn là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L1 cũng thừa nhận vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và đang chung sống với bà L, có cùng nuôi 03 con chung đang ăn học. Việc ông L1 và bà L trình bày kinh doanh riêng, độc lập về kinh tế nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định là nghĩa vụ trả nợ không phải của riêng bà L, cần buộc ông L1 có trách nhiệm liên đới với bà L trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó, có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới trả số tiền đã mượn là 1.500.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới trả tiền lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với 0.83%/tháng), tính từ ngày 18/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà L trình bày đã nhiều lần trả lãi cho bà M qua số tài khoản của ông Trần Minh S (đã cung cấp bản in chuyển tiền giao nộp cho Tòa), có khi trả tiền mặt trực tiếp cho bà M, nên bà L không đồng ý trả vì bà L đã trả lãi nhiều lần với số tiền lớn. Tuy nhiên, việc này không được ông S và bà M thừa nhận, bà L không xuất trình được chứng cứ chứng minh, bà L cung cấp thông tin chuyển tiền cho ông S nhưng không ghi nội dung, ông S xuất trình được chứng cứ chứng minh ông S có làm dịch vụ "chuyển – rút tiền nhanh", do đó nên không có cơ sở xem xét ý kiến này của bà L, cần buộc bà L và ông L1 trả lãi cho bà P là phù hợp.

Xét "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024" không có thỏa thuận trả lãi, có nội dung "Thời gian mượn: từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/11/2024". Do đó, căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự áp dụng mức lãi suất 10%/năm từ ngày 19/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/5/2025) là phù hợp.

Tiền lãi phát sinh cụ thể như sau: 1.500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 tháng 03 ngày = 76.250.000 đồng (làm tròn). Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị P là: 1.500.000.000 đồng + 76.250.000 đồng = 1.576.250.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1:

[2.1] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận có viết và ký tên trên "Giấy mượn tiền đề ngày 18/10/2024", thừa nhận có vay bà Nguyễn Thị P và đồng ý trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Kim L có vay và còn nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 1.500.000.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả số nợ vay là 1.500.000.000 là có căn cứ.

[2.2] Xét thấy, ông Trần Minh S làm nghề kinh doanh dịch vụ "chuyển – rút tiền nhanh". Bà L trình bày đã nhiều lần trả lãi cho bà P qua số tài khoản của ông Trần Minh S và trả tiền mặt trực tiếp cho bà M nên bà L không đồng ý trả lãi quá hạn cho bà P. Tuy nhiên, ông S và bà P không thừa nhận lời trình bày của bà L và bà L cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh các lần bà chuyển tiền cho ông S và giao cho bà M là để trả lãi cho khoản vay đề ngày 18/10/2024 của bà Nguyễn Thị P nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L. Mặt khác, xét thấy "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024" không thể hiện thỏa thuận trả lãi nhưng thể hiện thỏa thuận thời gian vay từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/11/2024. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự để buộc bà L trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 19/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/5/2025) với số tiền 1.500.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 06 tháng 03 ngày = 76.250.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét, bà L và ông L1 là vợ chồng hợp pháp, bà L thực hiện việc vay tiền dùng để có vốn kinh doanh tiệm tạp hóa, một phần bà L dùng để cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng nhằm mục đích tạo thu nhập, như vậy mục đích cuối cùng

của việc bà L vay tiền là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và việc vay tiền được thực hiện ngay tại nhà và trong thời gian sống chung nên việc ông L1 cho rằng không biết là không có căn cứ. Mặt khác, ông L1 không cung cấp được tài liệu, có chứng cứ chứng minh việc bà L vay tiền không liên quan gì đến ông. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông L1 cùng liên đới với bà L trả tiền vay cho bà P là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 280, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền ghi ngày 18/10/2024".

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm (tương đương với 0.83%/tháng), tính từ ngày 19/11/2024 đến ngày 22/5/2025 trên số tiền 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 76.250.000 đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P là 1.576.250.000 (một tỷ năm trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị Kim L, ông Bùi Thanh L1 về việc trả lãi trên số tiền 1.500.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 18/10/2024 đến ngày 18/11/2024 với số tiền là 12.560.000 (mười hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 liên đới chịu 59.287.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị P phải chịu 628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.799.000 đồng theo Biên lai thu số 0004200 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. H lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 28.171.000 (hai mươi tám triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Thanh L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0007160, 0007162 cùng ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nay là Thi hành án dân sự khu vực 3, Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông L1, bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân